

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ... Kỹ thuật số.....

Nhóm: ...01.....

Ngày thi:19/01/2022..... Giờ thi:09:45.....

Phòng thi: ...ON12...

Giảng viên giảng dạy:Nguyễn Thị Mai Lan.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228261	1	2118060068	Nguyễn Hồng	Quân	09/06/1996	CCQ1806B	7.8	7	7.3	
228261	2	2120150045	Võ Minh	Quân	03/01/2002	CCQ2015B	6	6	6	
228261	3	2120150024	Nguyễn Ngọc	Quyền	11/02/2002	CCQ2015A	5	3	3.8	
228261	4	2118150062	Nguyễn Đức	Sơn	07/12/2000	CCQ1815A	5.3	5	5.1	
228261	5	2120150025	Nguyễn Ngọc	Sơn	05/02/2002	CCQ2015A	6.7	7	6.9	
228261	6	2118060071	Nguyễn Trần	Tâm	16/07/2000	CCQ1806B	3.5	1.5	2.3	
228261	7	2118150067	Nguyễn Trần Chí	Tân	11/11/2000	CCQ1815A	7.6	6.5	6.9	
228261	8	2120150026	Nguyễn Văn	Tân	02/05/2002	CCQ2015A	3.7	2.5	3	
228261	9	2118060030	Trần Duy	Tân	18/12/2000	CCQ1806A	5.2	2.5	3.6	
228261	10	2119150024	Lê Tuấn	Thanh	15/10/2000	CCQ1915A	6.1	7	6.6	
228261	11	2120150027	Nguyễn Minh	Thanh	15/08/2002	CCQ2015A	6.5	4	5	
228261	12	2120150053	Trần Đình	Thành	13/04/2002	CCQ2015B	6.1	4.5	5.1	
228261	13	2121060047	Trần Ngọc	Thắng	10/02/2001	CCQ2106B	v	v	v	
228261	14	2119150025	Phan Quốc	Thống	02/04/2001	CCQ1915A	7.3	5.5	6.2	
228261	15	2120060053	Phạm Hạ Văn	Thùy	17/05/2001	CCQ2006B	6.8	5	5.7	
228261	16	2120150028	Lê Xuân	Thương	29/08/2001	CCQ2015A	5.2	7	6.3	
228261	17	2119150060	Đỗ Văn	Tiến	25/06/2001	CCQ1915B	7.2	7	7.1	
228261	18	2119060063	Nguyễn Trung	Tín	04/01/2001	CCQ1906B	5.7	4.5	5	
228261	19	2119150029	Nguyễn Trung	Tín	22/03/2001	CCQ1915A	6.3	7	6.7	
228261	20	2118050192	Nguyễn Bảo	Toàn	03/11/2000	CCQ1805C	1.5	2.5	2.1	
228261	21	2118150080	Nguyễn Văn	Trọng	25/09/2000	CCQ1815A	4.5	7	6	
228261	22	2119150064	Bùi Hoàng	Trung	20/04/2001	CCQ1915B	7.1	5	5.8	
228261	23	2119150081	Đỗ Hữu	Trung	24/07/2000	CCQ1915C	5.1	2.5	3.5	
228261	24	2118060080	Nguyễn Duy	Trung	14/01/2000	CCQ1806B	6	4.5	5.1	
228261	25	2120150047	Nguyễn Văn	Trung	16/08/2002	CCQ2015B	7.1	5.5	6.1	
228261	26	2117150070	Trương Khánh	Trung	29/11/1997	CCQ1715A	6.6	4	5	
228261	27	2120150032	Phạm Huỳnh Anh	Tú	05/05/2002	CCQ2015A	6.3	4.5	5.2	
228261	28	2120150054	Bùi Minh	Tuấn	01/09/2002	CCQ2015B	6	7.5	6.9	
228261	29	2120110033	Nguyễn Hoàng	Tuấn	04/10/2002	CCQ2015B	5.9	7	6.6	
228261	30	2120150055	Trần Văn	Vàng	29/05/2002	CCQ2015B	6.5	2.5	4.1	
228261	31	2118030192	Phạm Nhân	Văn	24/01/2000	CCQ1805C	5.7	4.5	5	
228261	32	2120150033	Hồ Đức	Vinh	10/03/2002	CCQ2015A	6.1	7	6.6	
228261	33	2120150034	Huỳnh Hoàng	Vinh	10/04/2002	CCQ2015A	6.4	4	5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ...Kỹ thuật số.....

Nhóm: ...01.....

Ngày thi:19/01/2022..... Giờ thi:.....09:45.....

Phòng thi: ...ON12...

Giảng viên giảng dạy:Nguyễn Thị Mai Lan.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228261	34	2118150088	Nguyễn Danh	Vọng	02/06/2000	CCQ1815A	5.9	5	5.4	
228261	35	2117060092	Lê Quốc	Vũ	29/07/1999	CCQ1706B	6.6	5	5.4	
228261	36	2120150035	Trần Quốc	Vũ	20/06/2002	CCQ2015A	6.3	6.5	6.4	
228261	37	2119060068	Nguyễn Duy	Vương	10/07/2001	CCQ1906B	6.8	4.5	5.4	
228261	38	2118060086	Bùi Văn	Vỹ	07/12/1999	CCQ1806B	8	3	5	

Số sinh viên có mặt: 37.....

Số bài thi: 37.....

Số sinh viên vắng mặt: 01.....

Số tờ giấy thi: 37.....

Ghi chú: Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú.
Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1



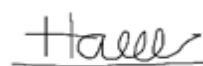
Mai Văn Lê

Cán bộ chấm thi 1



Nguyễn Thị Mai Lan

Cán bộ coi thi 2



Nguyễn Thị Hạnh

Cán bộ chấm thi 2



Đào Thành Sung

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ... Kỹ thuật số.....

Nhóm: ...01.....

Ngày thi:19/01/2022..... Giờ thi:09:45.....

Phòng thi: ...ON24...

Giảng viên giảng dạy:Nguyễn Thị Mai Lan.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228261	1	2120150002	Lê Tuấn	Anh	11/08/2002	CCQ2015A	6.4	4	5	
228261	2	2120150001	Võ Đức	Anh	17/08/2002	CCQ2015A	6.2	7	6.7	
228261	3	2118060002	Huỳnh Quang	Bảo	18/01/2000	CCQ1806A	5.5	5	5.2	
228261	4	2120150050	Nguyễn Minh	Cung	14/08/2002	CCQ2015B	5.8	5.5	5	
228261	5	2120150005	Lê Công	Danh	16/04/2002	CCQ2015A	7.2	8.5	8	
228261	6	2119060041	Phạm Ngọc	Danh	05/12/2001	CCQ1906B	5.3	7	6.3	
228261	7	2118060047	Phan Chung	Dìn	17/11/1999	CCQ1806B	6.6	4	5	
228261	8	2120150006	Lê Hải	Duy	07/11/2002	CCQ2015A	v	v	v	
228261	9	2119060042	Nguyễn Tấn	Duy	09/03/2001	CCQ1906B	7.6	7	7.2	
228261	10	2117150012	Nguyễn Thành	Đạt	20/02/1997	CCQ1715A	6.1	6.5	6.3	
228261	11	2120150037	Võ Phương	Đình	08/04/2002	CCQ2015B	6.2	4.5	5.2	
228261	12	2119150035	Lê Tấn	Đồng	23/06/2001	CCQ1915B	5.7	5	5.3	
228261	13	2119150011	Nguyễn Hữu	Giang	08/08/2001	CCQ1915A	6.4	6.5	6.5	
228261	14	2120150011	Tạ Huy	Hùng	15/07/1998	CCQ2015A	7.2	6	6.5	
228261	15	2120150051	Võ Thành	Huy	05/11/2002	CCQ2015B	7.2	8	7.7	
228261	16	2118060055	Thiên Thanh	Hương	30/12/1998	CCQ1806B	3.4	2	2.6	
228261	17	2120150038	Lê Trọng	Hữu	30/11/2002	CCQ2015B	7	6.5	6.7	
228261	18	2120150012	Lê Trương Nhật	Kha	01/10/2001	CCQ2015A	6	4.5	5.1	
228261	19	2119060013	Lê Quang	Khái	16/03/1999	CCQ1906A	v	v	v	
228261	20	2120150015	Lê Quốc	Khánh	09/09/2002	CCQ2015A	5.8	6	5.9	
228261	21	2120150014	Nguyễn Minh	Khánh	03/08/2002	CCQ2015A	7.1	7	7	
228261	22	2119060047	Huỳnh Minh	Khiêm	31/05/2001	CCQ1906B	7	7	7	
228261	23	2117230009	Phạm Anh	Khoa	30/05/1999	CCQ1723A	6.9	4.5	5.5	
228261	24	2119060014	Nguyễn Ngọc	Khôi	26/06/2001	CCQ1906A	6.1	4.5	5.1	
228261	25	2118060016	Võ Minh	Kiệt	20/05/1999	CCQ1806A	8.5	6.5	7.3	
228261	26	2119060015	Thái Thanh	Liêm	10/03/1999	CCQ1906A	v	v	v	
228261	27	2119150043	Nguyễn Hoàng	Linh	27/05/2001	CCQ1915B	4.8	7	6.1	
228261	28	2118150042	Lê Đăng Uy	Lực	09/02/1999	CCQ1815A	5.5	7	6.4	
228261	29	2120150017	Trần Công	Mạnh	06/05/2002	CCQ2015A	6.3	7	6.7	
228261	30	2118150044	Nguyễn Văn	Minh	31/08/2000	CCQ1815A	5.8	4.5	5	
228261	31	2118050178	Từ Bùi Thứ	Nhất	20/10/2000	CCQ1805C	6	7	6.6	
228261	32	2119050019	Cao Thái	Phi	19/08/2001	CCQ1915C	5.7	4.5	5	
228261	33	2120150022	Trần Hữu Sang	Phong	21/06/2001	CCQ2015A	v	v	v	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ...Kỹ thuật số.....

Nhóm: ...01.....

Ngày thi:19/01/2022..... Giờ thi:09:45.....

Phòng thi: ...ON24...

Giảng viên giảng dạy:Nguyễn Thị Mai Lan.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228261	34	2120150039	Bùi Lương Văn	Phúc	24/09/2002	CCQ2015B	7.5	8.5	8.1	
228261	35	2120150052	Nguyễn Đại	Phúc	26/06/2001	CCQ2015B	4.8	2.5	3.4	
228261	36	2119150023	Lê Thanh	Phuong	23/10/2000	CCQ1915A	8	3	5	
228261	37	2120150044	Nguyễn Duy	Quang	19/09/1999	CCQ2015B	6	7	6.6	
228261	38	2117060076	Nguyễn Văn	Quang	30/03/1999	CCQ1706B	v	v	v	

Số sinh viên có mặt: 33.....

Số bài thi: 33.....

Số sinh viên vắng mặt: 05.....

Số tờ giấy thi: 33.....

Ghi chú: Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú.
Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1



Nguyễn Thị Mai Lan

Cán bộ chấm thi 1



Nguyễn Thị Mai Lan

Cán bộ coi thi 2



Nguyễn Thị Kim Oanh

Cán bộ chấm thi 2



Đào Thành Sung